

MỤC TIÊU

- Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm, mức độ câu hỏi từ nhận biết đến thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao.
- Phần kiến thức: các câu hỏi nằm trong chương trình Địa lí 12, thuộc chuyên đề Địa lí tự nhiên, Địa lí dân cư và Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam.
- Phần kĩ năng: bao gồm các kĩ năng làm việc với Atlat, biểu đồ và bảng số liệu.
- Đề thi có nhiều câu hỏi hay, phù hợp cho nhiều đối tượng HS luyện tập, làm quen với cấu trúc đề thi và củng cố kiến thức.

Câu 1: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết nhận định nào không đúng về cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước phân theo nhóm ngành?

- A. Tỷ trọng công nghiệp khai thác giảm và công nghiệp chế biến có xu hướng tăng.
- B. Tỷ trọng công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến có xu hướng tăng
- C. Tỷ trọng công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước có xu hướng giảm.
- D. Tỷ trọng công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước có luôn chiếm tỷ trọng thấp nhất.

Câu 2: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng biển nào đây không thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Vũng Áng. B. Chân Mây. C. Thuận An. D. Dung Quất.

Câu 3: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta giáp với Campuchia cả trên đất liền và trên biển?

- A. Kiên Giang. B. An Giang. C. Đồng Tháp. D. Cà Mau.

Câu 4: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4.5, cho biết điểm cực Nam trên đất liền của nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Cà Mau. B. Sóc Trăng. C. Kiên Giang. D. An Giang.

Câu 5: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Nam?

- A. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ. B. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.
- C. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ. D. Vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ.

Câu 6: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Lâm Đồng. B. Sóc Trăng. C. Bến Tre D. Bình Thuận.

Câu 7: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XI. B. Tháng VIII. C. Tháng IX. D. Tháng X.

Câu 8: Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết tỉnh nào sau đây chưa có trung tâm công nghiệp?

- A. Bình Thuận. B. Quảng Ngãi C. Bình Định. D. Phú Yên.

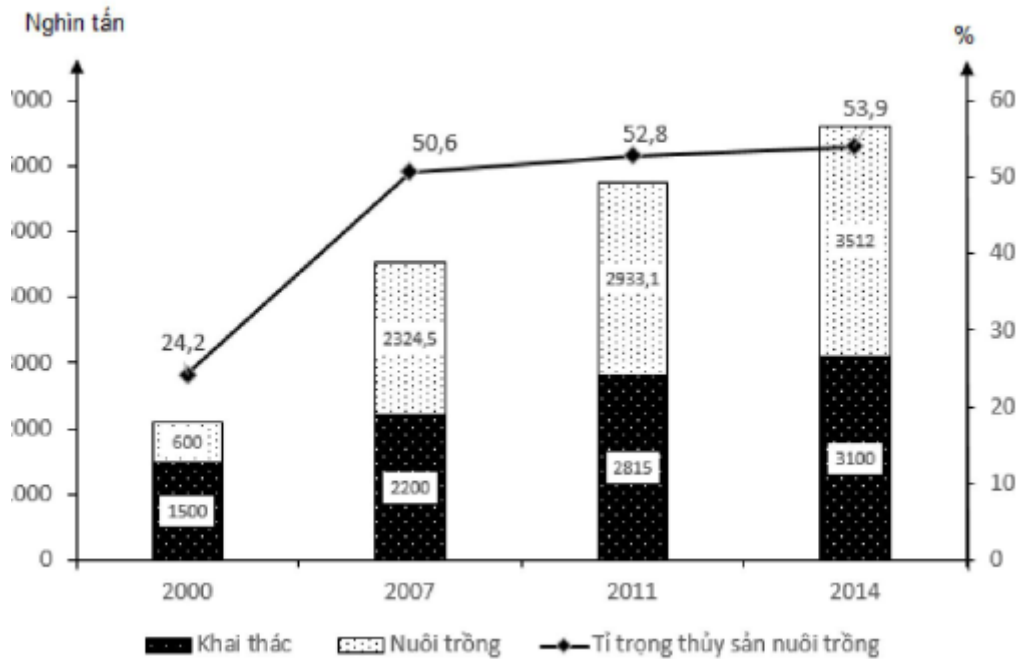
Câu 9: Đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta thuộc vùng

- A. đặc quyền kinh tế B. tiếp giáp lãnh hải. C. lãnh hải. D. nội thủy.

Câu 10: Động đất thường xảy ra nhiều nhất ở vùng ven biển

- A. Nam Bộ. B. đồng bằng sông Hồng. C. Bắc Trung Bộ. D. Nam Trung Bộ.

Câu 11: Cho biểu đồ



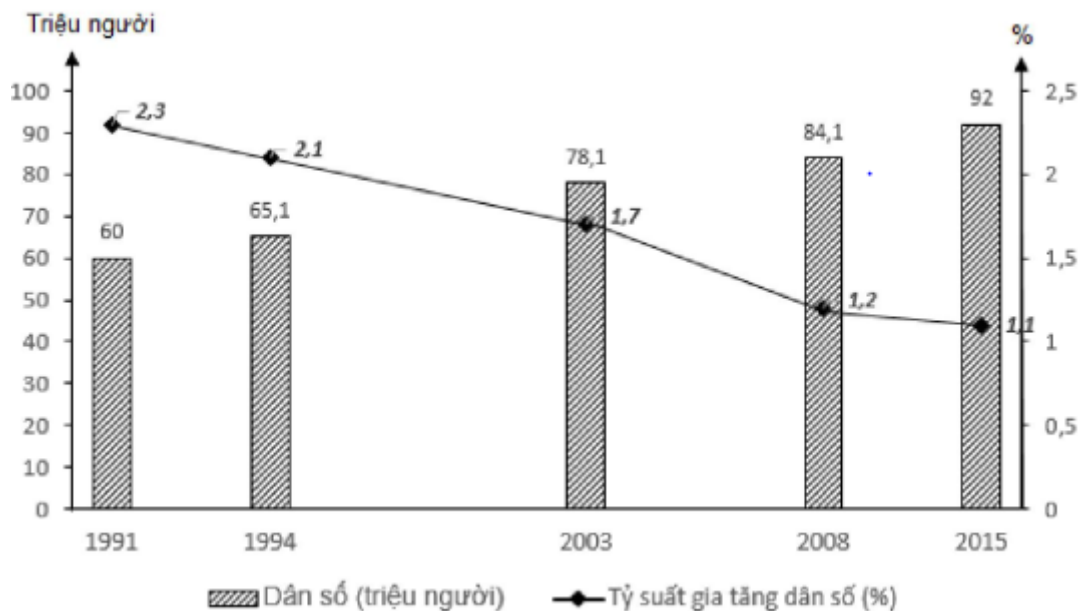
SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ TỈ TRỌNG SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào biểu đồ trên, nhận xét nào sau đây đúng ?

- A. Tỉ trọng thủy sản nuôi trồng tăng mạnh và vượt khai thác
- B. Tổng sản lượng thủy sản tăng chậm và có xu hướng giảm.
- C. Sản lượng thủy sản khai thác tăng, tỉ trọng luôn lớn nhất.
- D. Sản lượng thủy sản khai thác luôn cao hơn nuôi trồng.

Câu 12: Cho biểu đồ về dân số nước ta giai đoạn 1985 - 2013:



(Niên giám thống kê Việt Nam 2014, NXB Thống kê, 2015)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ phát triển dân số của nước ta
- B. Tình hình phát triển dân số nước ta
- C. Số dân chia theo thành thị, nông thôn và tỷ suất gia tăng dân số.
- D. Cơ cấu dân số theo thành thị, nông thôn và tỷ suất gia tăng dân số.

Câu 13: Cho bảng số liệu

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP PHÂN THEO NGÀNH Ở VIỆT NAM

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ
2000	129,1	101,0	24,9	3,2
2005	183,2	134,7	45,1	3,4
2010	540,2	396,7	135,1	8,4
2013	751,8	534,5	200,6	16,7

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP PHÂN THEO NGÀNH Ở VIỆT NAM

Nhận định nào sau đây không chính xác khi nhận xét về giá trị sản xuất nông nghiệp

- A. Giá trị sản xuất của tất cả các phân ngành đều tăng
- B. Ngành trồng trọt luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp
- C. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt có tốc độ tăng nhanh nhất
- D. Ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng nhỏ và có xu hướng tăng

Câu 14: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị: triệu wh)

Năm	2010	2014	2015	2017
Nhà nước	67 678	123 291	133 081	165 548
Ngoài Nhà nước	1 721	5 941	7 333	12 622
Đầu tư nước ngoài	22 323	12 018	17 535	13 423

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Tròn.
- C. Miền.
- D. Đường.

Câu 15: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, nên có

- A. khí hậu có hai mùa rõ rệt.
- B. cán cân bức xạ lớn, luôn dương.
- C. nhiều tài nguyên sinh vật quý giá
- D. sự phân hóa tự nhiên rõ rệt.

Câu 16: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở trung du và miền núi nhằm mục đích xã hội chủ yếu nào sau đây?

- A. Hạ tỉ lệ gia tăng dân số ở khu vực này.
- B. Phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng
- C. Tăng dần tỉ lệ dân thành thị trong cơ cấu dân số.
- D. Phát huy truyền thống sản xuất của các dân tộc ít người.

Câu 17: Ngành nào sau đây không phải là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta trong giai đoạn hiện nay?

- A. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm
- B. Công nghiệp điện tử - tin học
- C. Công nghiệp khai thác khoáng sản
- D. Công nghiệp năng lượng

Câu 18: Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự suy giảm diện tích rừng ngập mặn ở nước ta hiện nay?

- A. môi trường nước ô nhiễm.)
- B. mở rộng đất nông nghiệp.
- C. khai thác rừng lấy gỗ, củi.
- D. biến đổi khí hậu toàn cầu.

Câu 19: Thời Pháp thuộc, đô thị hóa không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Đô thị không có cơ sở để mở rộng.
- B. Tỉnh, huyện thường được chia với quy mô nhỏ.
- C. Đô thị hóa gắn với công nghiệp hóa
- D. Chức năng chủ yếu là hành chính và quân sự.

Câu 20: Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nước ngọt là do:

- A. có nhiều ngư trường với nguồn hải hải phong phú.
- B. có nhiều đảo và vùng vịnh sâu kín gió.
- C. có nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.
- D. có nhiều sông suối, kênh, rạch, ao hồ, ô trũng.

Câu 21: Nước ta có thành phần dân tộc đa dạng là do

- A. tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của thế giới.
- B. lịch sử định cư và khai thác lãnh thổ sớm.
- C. có nền văn hóa đa dạng giàu bản sắc dân tộc
- D. là nơi gặp gỡ của nhiều luồng di cư lớn trong lịch sử.

Câu 22: Phát biểu nào sau đây không đúng về ngoại thương của nước ta từ sau thời kì Đổi mới?

- A. Việt Nam đã trở thành thành viên của WTO.
- B. Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu luôn xuất siêu.
- C. Thị trường buôn bán mở rộng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa
- D. Có quan hệ buôn bán với phần lớn các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Câu 23: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ trình độ đô thị hóa của nước ta còn thấp?

- A. Địa giới các đô thị được mở rộng.
- B. Mức sống dân cư được cải thiện.
- C. Xuất hiện nhiều đô thị mới.
- D. Cơ sở hạ tầng còn lạc hậu.

Câu 24: Điều kiện thuận lợi nhất về tự nhiên để xây dựng các cảng biển ở nước ta là:

- A. Gần tuyến hàng hải quốc tế
- B. Có các cửa sông lớn
- C. Có các vịnh nước sâu
- D. Có nhiều đảo ven bờ che chắn bão

Câu 25: Công nghiệp sản xuất rượu bia, nước ngọt ở nước ta có đặc điểm phân bố chủ yếu là

- A. gắn chặt với vùng nguyên liệu.
- B. tập trung ở gần cảng lớn.
- C. tập trung gần thị trường tiêu thụ.
- D. tập trung ở nơi có nguồn nước dồi dào.

Câu 26: Một nền kinh tế tăng trưởng bền vững thể hiện ở

- A. nhịp độ tăng trưởng cao và có cơ cấu kinh tế hợp lí.
- B. tốc độ tăng trưởng cao và bảo vệ được môi trường.
- C. cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch hợp lí.
- D. nhịp độ tăng trưởng cao và ổn định.

Câu 27: Nhân tố nào sau đây quyết định tính phong phú về thành phần loài của giới thực vật nước ta?

- A. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa đa dạng.
- B. Địa hình đồi núi chiếm ưu thế, có sự phân hóa phức tạp.
- C. Sự phong phú và phân hóa đa dạng của các nhóm đất.
- D. Vị trí trên đường di cư và di lưu của nhiều loài thực vật.

Câu 28: Lao động nước đang có xu hướng chuyển từ khu vực Nhà nước sang khu vực khác chủ yếu do

- A. thực hiện nền kinh tế mở, thu hút đầu tư nước ngoài.
- B. các chính sách tinh giảm biên chế của nhà nước
- C. kinh tế từng bước chuyển sang cơ chế thị trường.
- D. tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Câu 29: Yếu tố nào sau đây có tác động chủ yếu đến sự tăng nhanh giá trị nhập khẩu của nước ta hiện nay?

- A. Sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
- B. Nhu cầu, chất lượng cuộc sống cao.
- C. Việc phát triển của quá trình đô thị hóa
- D. Nhu cầu quá trình công nghiệp hóa

Câu 30: Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Nhiều đồng bằng rộng, diện tích rừng tăng.
- B. Địa hình nhiều đồi núi, giáp biển Đông.
- C. Địa hình nhiều đồi núi, lượng mưa lớn.
- D. Lượng mưa lớn, có nhiều đồng bằng rộng.

Câu 31: Hạn chế lớn nhất của mặt hàng xuất khẩu nước ta là

- A. tỉ trọng hàng gia công lớn.
- B. chất lượng hàng xuất khẩu chưa cao.

C. tỉ trọng hàng chế biến còn thấp. D. phải nhập nguyên liệu.

Câu 32: Vai trò chủ yếu của rừng ngập mặn ở nước ta là

- A. đảm bảo cân bằng sinh thái, phòng chống thiên tai.
- B. giúp phát triển mô hình kinh tế nông, lâm kết hợp.
- C. cung cấp nguồn lâm sản có nhiều giá trị kinh tế.
- D. tạo thêm diện tích, môi trường nuôi trồng thủy sản.

Câu 33: Để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hóa, nước ta cần

- A. giảm bớt tốc độ đô thị hóa
- B. hạn chế di dân ra thành thị.
- C. mở rộng lối sống nông thôn.
- D. gắn đô thị hóa với công nghiệp hóa

Câu 34: Tình trạng mất cân bằng sinh thái của nước ta được biểu hiện qua

- A. môi trường bị ô nhiễm ngày càng nặng nề.
- B. sự gia tăng thiên tai bão lụt, hạn hán.
- C. tính đa dạng sinh vật ngày càng bị suy giảm.
- D. diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp

Câu 35: Sự khác nhau về mùa khí hậu giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. các loại gió và dãy Trường Sơn Nam.
- B. bão và các đồng bằng nhỏ hẹp ven biển.
- C. Tín phong bán cầu Bắc và các đỉnh núi.
- D. dải hội tụ nhiệt đới và các cao nguyên.

Câu 36: Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta hiện nay là

- A. phân bố lại dân cư, nguồn lao động trong cả nước
- B. tăng cường liên kết, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- C. xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất lớn.
- D. đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ ở đô thị.

Câu 37: Kết quả nào sau đây là lớn nhất của quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế ở nước ta?

- A. Hình thành các vùng chuyên canh và khu công nghiệp.
- B. Hình thành các vùng động lực và khu công nghệ cao.
- C. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, hình thành các khu chế xuất.
- D. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân hóa các vùng sản xuất.

Câu 38: Trong những năm qua ngành vận tải đường biển của nước ta phát triển nhanh chủ yếu do

- A. ngoại thương nước ta phát triển mạnh, lượng hàng xuất nhập khẩu lớn.
- B. nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành đường biển.
- C. ngành dầu khí phát triển mạnh, vận chuyển chủ yếu bằng đường biển.
- D. nước ta đang thực hiện mở cửa, quan hệ quốc tế ngày càng tăng.

Câu 39: Tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc Bộ đến Trung Bộ do

- A. sự lùi dần vị trí trung bình của dải hội tụ nội chí tuyến.
- B. càng vào Nam càng xa chí tuyến bán cầu Bắc
- C. sự lùi dần mùa mưa nói chung từ Bắc Bộ đến Trung bộ.
- D. gió Tây Nam nguồn gốc Nam bán cầu suy yếu.

Câu 40: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho thu nhập bình quân của lao động nước ta thuộc loại thấp so với thế giới?

- A. Năng suất lao động chưa cao.
- B. Tỉ lệ lao động nông nghiệp còn lớn.
- C. Hệ thống cơ sở hạ tầng lạc hậu
- D. Lao động thiếu tác phong công nghiệp.

-----HẾT-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

ĐÁP ÁN

1-B	2-D	3-A	4-A	5-C	6-B	7-B	8-D	9-C	10-D
11-A	12-B	13-C	14-C	15-B	16-B	17-C	18-B	19-C	20-D
21-D	22-B	23-D	24-C	25-C	26-A	27-D	28-A	29-D	30-C
31-C	32-A	33-D	34-B	35-A	36-D	37-D	38-D	39-A	40-A

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1 (VD)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam trang 21

Cách giải:

Nhận xét:

- A đúng: công nghiệp khai thác giảm, công nghiệp chế biến tăng
- C, D đúng: công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt giảm và luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất (5,6% xuống 5%)
- B không đúng: công nghiệp khai thác có xu hướng giảm, nhận xét tăng là sai

Chọn B.

Câu 2 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 23

Cách giải:

Cảng Dung Quất (Quảng Ngãi) thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, không thuộc vùng Bắc Trung Bộ.

Chọn D.

Câu 3 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 4- 5

Cách giải:

Tỉnh Kiên Giang giáp với Campuchia cả trên đất liền và trên biển.

Chọn A.

Câu 4 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 4- 5

Cách giải:

Điểm cực Nam trên đất liền của nước ta thuộc xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Chọn A.

Câu 5 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 9

Cách giải:

Vùng khí hậu Nam Trung Bộ thuộc miền khí hậu phía Nam (nằm ở phía nam dãy Bạch Mã)

Chọn C.

Câu 6 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 19

Cách giải:

Xem kí hiệu thể hiện diện tích cây công nghiệp lâu năm và hằng năm

- Các tỉnh Lâm Đồng, Bến Tre, Bình Thuận có diện tích cây lâu năm lớn hơn cây hằng năm \Rightarrow loại A, C, D

- Tỉnh Sóc Trăng có diện tích cây hằng năm lớn hơn cây lâu năm

Chọn B.

Câu 7 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 9

Cách giải:

Trạm khí tượng SaPa có lượng mưa lớn nhất vào tháng 8.

Chọn B.

Câu 8 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 28

Cách giải:

- Bình Thuận có TTCN Bình Thuận
- Quảng Ngãi có TTCN Dung Quất
- Bình Định có TTCN Quy Nhơn
- Tỉnh Phú Yên không có trung tâm công nghiệp.

Chọn D.

Câu 9 (NB).

Phương pháp: Kiến thức bài 2 – Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

Cách giải:

Đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta thuộc vùng lãnh hải.

Chọn C.

Câu 10 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 15 - Vấn đề bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.

Cách giải:

Động đất thường xảy ra nhiều nhất ở vùng ven biển Nam Trung Bộ.

Chọn D.

Câu 11 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng nhận xét biểu đồ

Cách giải:

- A đúng: tỉ trọng thủy sản nuôi trồng tăng mạnh từ 26,2% lên 52,9% và vượt khai thác
- B sai: sản lượng thủy sản tăng lên liên tục và khá nhanh
- C sai: thủy sản khai thác tăng và từ 2007 – 2014 chiếm tỉ trọng nhỏ hơn nuôi trồng.
- D sai: giai đoạn 2007 – 2014 thủy sản khai thác nhỏ hơn nuôi trồng.

Chọn A.

Câu 12 (TH)

Phương pháp: Kỹ năng nhận diện nội dung biểu đồ

Cách giải:

Biểu đồ cột kết hợp đường

⇒ Biểu đồ đã cho thể hiện tình hình phát triển dân số của nước ta

Chọn B.

Câu 13 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng nhận xét bảng số liệu

Cách giải:

- A đúng: giá trị sản xuất của tất cả các phân ngành đều tăng
- B đúng: ngành trồng trọt luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (năm 2013 chiếm 71%)
- D đúng: ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng nhỏ và tăng lên nhanh (từ 19,3% năm 2000 lên 26,7% năm 2013)
- C không đúng chăn nuôi tăng nhanh nhất (tăng 8 lần), ngành trồng trọt tăng gấp 5,29 lần; dịch vụ tăng 5,2 lần

Chọn C.

Câu 14 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng nhận diện biểu đồ

Cách giải:

Đề bài yêu cầu thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu, bảng số liệu có 4 năm – biểu đồ miền thích hợp nhất

Chọn C.

Câu 15 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 9 – Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

Cách giải:

Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc nên góc chiếu của tia sáng Mặt Trời lớn, cán cân bức xạ lớn và luôn dương

Chọn B.

Câu 16 (VD).

Phương pháp: Kiến thức bài 16 – Đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta

Cách giải:

Việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở trung du và miền núi sẽ góp phần tạo ra nhiều việc làm cho lao động, từ đó thúc đẩy sự phân bố dân cư – lao động hợp lý hơn giữa các vùng. Đây là mục đích xã hội chủ yếu và lớn nhất.

Chọn B.

Câu 17 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 26 – Cơ cấu ngành công nghiệp

Cách giải:

Công nghiệp khai thác khoáng sản không phải là ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Chọn C.

Câu 18 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 8 – Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển

Cách giải:

Nguyên nhân cơ bản dẫn đến suy giảm diện tích rừng ngập mặn ở nước ta hiện nay là do chuyển đổi thành diện tích nuôi tôm, cá – mở rộng diện tích đất nông nghiệp.

Chọn B.

Câu 19 (NB)

Phương pháp: Liên hệ đặc điểm đô thị hóa nước ta (bài 18, sgk Địa 12)

Cách giải:

Thời Pháp thuộc, đô thị nước ta chưa phát triển, nền kinh tế còn lạc hậu = đô thị hóa chưa gắn với công nghiệp hóa.

– Nhận định C không đúng

Chọn C.

Câu 20 (TH)

Phương pháp: Chú ý từ khóa “nuôi trồng thủy sản nước ngọt”

Cách giải:

- Loại A: các ngư trường để phát triển đánh bắt thủy sản

- Loại B: đảo, vùng vịnh để xây dựng cảng biển

- Loại C: bãi triều đầm phá để nuôi trồng thủy sản nước lợ

- Chọn D: mạng lưới sông suối kênh rạch, ao hồ, ô trũng là điều kiện để nước ta nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

Chọn D.

Câu 21 (VDC)

Phương pháp: Liên hệ lịch sử phát triển dân cư

Cách giải:

Nước ta là nơi gặp gỡ của nhiều luồng di cư lớn trong lịch sử 8 do vậy nước ta có thành phần dân tộc đa dạng, từ phương Bắc, phía Nam và cả phía tây sang.

Chọn D.

Câu 22 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 31 – Thương mại và du lịch (sgk Địa 12)

Cách giải:

Sau Đổi mới, ngoại thương nước ta đạt nhiều thành tựu như:

- Trở thành thành viên của WTO
 - Thị trường buôn bán theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.
 - Có quan hệ buôn bán với phần lớn các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới
- ⇒ Loại A, C, D

Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu luôn xuất siêu là SAI

Chọn B.

Câu 23 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 18 – Đô thị hóa (sgk Địa 12)

Cách giải:

Biểu hiện chứng tỏ trình độ đô thị hóa của nước ta còn thấp là do cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, chưa được đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại.

Chọn D.

Câu 24 (TH)

Phương pháp: Liên hệ kiến thức bài 30 – Giao thông vận tải

Cách giải:

Đọc bờ biển nước ta có nhiều vùng vịnh nước sâu, kín gió thuận lợi cho xây dựng các cảng biển (đặc biệt bờ biển Nam Trung Bộ).

Chọn C.

Câu 25 (VD)

Phương pháp: Liên hệ nhân tố tác động trực tiếp đến sự phát triển của ngành này

Cách giải:

Công nghiệp sản xuất bia, rượu, nước ngọt ở nước ta có đặc điểm phân bố chủ yếu tập trung gần thị trường tiêu thụ, cụ thể là các thành phố - đô thị lớn, những khu vực tập trung đông dân cư với nhu cầu tiêu thụ bia rượu, nước ngọt rất lớn.

Chọn C.

Câu 26 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 20 – Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cách giải:

Một nền kinh tế tăng trưởng bền vững thể hiện ở nhịp độ tăng trưởng cao và có cơ cấu kinh tế hợp lí.

Chọn A.

Câu 27 (TH)

Phương pháp: Liên hệ kiến thức bài 2 – Ý nghĩa vị trí địa lí về mặt tự nhiên)

Cách giải: Do nước ta nằm trên đường di cư và di lưu của nhiều loài thực vật nên có sự phong phú về thành phần loài của giới thực vật. Đây là nhân tố quyết định đến tính phong phú về thành phần loài của giới thực vật nước ta.

Chọn D.

Câu 28 (VD)

Phương pháp: Kiến thức bài 20 – Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cách giải:

Lao động nước ta đang có xu hướng chuyển từ khu vực Nhà nước sang khu vực khác chủ yếu do thực hiện nền kinh tế mở, thu hút đầu tư nước ngoài, lao động trong khu vực kinh tế tư nhân tập thể và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên.

Chọn A.

Câu 29 (VDC)

Phương pháp: Kiến thức bài 31 – Thương mại và du lịch (sgk Địa 12)

Cách giải:

Chú ý từ khóa “tăng giá trị”

⇒ Giá trị nhập khẩu nước ta tăng lên nhanh chủ yếu do nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa nên nhu cầu nhập khẩu máy móc, nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất trong nước rất lớn.

Chọn D.

Câu 30 (VD)

Cách giải:

Nước ta có địa hình nhiều bị cắt xẻ mạnh nên hình thành nhiều dòng chảy, cùng với lượng mưa trung bình năm lớn, cung cấp nguồn nước lớn cho duy trì dòng chảy trên mặt hình thành mạng lưới sông ngòi dày đặc

Chọn C.

Câu 31 (VDC)

Phương pháp: Kiến thức bài 31 – Thương mại, chú ý từ khóa “hạn chế lớn nhất?”

Cách giải:

Hạn chế lớn nhất của mặt hàng xuất khẩu nước ta là tỉ trọng hàng chế biến còn thấp. Do công nghiệp chế biến chưa phát triển mạnh nên nước ta chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng nông sản, nguyên liệu dưới dạng thô, hoặc sơ chế với hiệu quả kinh tế thấp.

Chọn C.

Câu 32 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 8 – Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển

Cách giải:

Vai trò chủ yếu của rừng ngập mặn ở nước ta là đảm bảo cân bằng sinh thái, phòng chống thiên tai.

Chọn A.

Câu 33 (VD).

Phương pháp: Kiến thức bài 18 – Đô thị hóa

Cách giải:

Khi đô thị hóa không gắn liền với công nghiệp hóa, sẽ dẫn đến tình trạng đô thị hóa tự phát với nhiều tác động tiêu cực như: ô nhiễm môi trường, thất nghiệp thiếu việc làm, tệ nạn xã hội,...

⇒ Để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hóa, nước ta cần gắn đô thị hóa với công nghiệp hóa, phát triển đô thị có quy hoạch rõ ràng.

Chọn D.

Câu 34 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 15 – Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai

Cách giải:

Tình trạng mất cân bằng sinh thái của nước ta được biểu hiện qua sự gia tăng thiên tai bão, lũ lụt, hạn hán

Chọn B.

Câu 35 (VD)

Phương pháp: Kiến thức bài 9 – Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

Cách giải:

Sự khác nhau về mùa khí hậu giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do tác động của các loại gió và dãy Trường Sơn Nam:

- Khi Đông Trường Sơn đón các hướng gió đông bắc từ biển vào mang lại mưa lớn thì Tây Nguyên là mùa khô (do khuất sau dãy Trường Sơn Nam)
- Khi Tây Nguyên đón gió tây nam đem lại mưa lớn vào mùa hạ thì Đông Trường Sơn lại ở vị trí khuất gió, không có mưa.

Chọn A.

Câu 36 (VD)

Phương pháp: Chú ý từ khóa “giải quyết tình trạng thất nghiệp”

Cách giải:

Thành thị có tình trạng thất nghiệp diễn ra phổ biến. Để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta, biện pháp chủ yếu hiện nay là đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ ở các đô thị để tạo nhiều việc làm, đáp ứng nhu cầu việc làm của nguồn lực lao động rất lớn ở các thành phố đô thị.

Chọn D.

Câu 37 (VD)

Phương pháp: Chú ý từ khóa “kết quả lớn nhất”

Cách giải:

Kết quả lớn nhất và mang tính bao quát nhất của quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế ở nước ta là chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân hóa các vùng sản xuất.

Các đáp án A, B, C là những kết quả nhỏ nằm trong ý D.

Chọn D.

Câu 38 (VDC).

Phương pháp: Kiến thức bài 31 – Thương mại, chú ý từ khóa “chủ yếu”

Cách giải:

Trong những năm qua, vận tải đường biển nước ta phát triển nhanh chủ yếu do nước ta đang thực hiện mở cửa, quan hệ quốc tế ngày càng tăng nên nhu cầu về việc trao đổi hàng hóa, di chuyển bằng đường biển ngày càng lớn, bao gồm cả các hoạt động du lịch biển - đảo...

Chú ý: ý A thuộc trong ý D nên sẽ chọn D là nguyên nhân bao quát nhất

Chọn D.

Câu 39 (VD)

Phương pháp: Liên hệ hoạt động của dải hội tụ

Cách giải:

Ở nước ta, khối khí xích đạo với sự hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới là nguyên nhân gây mưa chủ yếu vào mùa hạ - thu cho cả nước.

Do sự lùi dần vị trí trung bình của dải hội tụ nhiệt đới từ Bắc vào Nam nên tháng mưa cực đại cũng lùi dần từ Bắc Bộ đến Trung Bộ.

Chọn A.

Câu 40 (VD)

Cách giải:

Hoạt động sản xuất của nước ta chưa được đầu tư hiện đại, việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các khâu sản xuất còn hạn chế nên năng suất lao động chưa cao, chưa tạo ra nhiều sản phẩm với chất lượng cao

⇒ hiệu quả kinh tế thấp, thu nhập bình quân của lao động thấp.

Chọn A.

----- HẾT -----